TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 10 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Ông Võ Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh H.

Chổ ở hiện nay: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Tô Quốc S (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh H.

Chổ ở hiện nay: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/5/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày: Bà và ông Tô Quốc S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Bà B xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông S không chịu làm ăn mà chỉ nhậu nhẹt, chơi bời. Khi nhậu về còn kiếm chuyện chửi bà nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Bà đã nhiều lần cho ông S cơ hội để sửa đổi nhưng ông S không chịu suy nghĩ, không chịu thay đổi. Bà B xác định bà không còn tình cảm với ông S nên

yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Bà và ông S có 03 con chung tên Tô Quốc Th (nam), sinh ngày 13/10/2003, Tô Huỳnh Anh Th (nữ), sinh ngày 13/8/2007, Tô Hữu L (nam), sinh ngày 19/5/2017. Các cháu hiện tại đang sống chung với bà và ông S. Bà B đồng ý giao cháu Th, cháu Anh Th, cháu L cho ông S nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Tô Hữu L (nam), sinh ngày 19/5/2017 đến khi thành niên, không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Bà B thống nhất cấp dưỡng cho cháu Anh Th và cháu Th theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Tô Quốc S trình bày: Ông S trình bày thống nhất với bà B về quan hệ hôn nhân, về con chung, nợ chung và tài sản chung. Tuy nhiên, ông S cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn, ông S thừa nhận có đi nhậu nhưng vẫn lo cho gia đình, không có chửi vợ. Nay bà B yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý do ông còn thương vợ con. Về con chung: Nếu phải ly hôn ông S yêu cầu nuôi cháu Tô Quốc Th (nam), sinh ngày 13/10/2003, Tô Huỳnh Anh Th (nữ), sinh ngày 13/8/2007, Tô Hữu L (nam), sinh ngày 19/5/2017 và yêu cầu bà B cấp dưỡng theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B được ly hôn với ông Tô Quốc S về con chung: Giao cháu Tô Quốc Th (nam), sinh ngày 13/10/2003, Tô Huỳnh Anh Th (nữ), sinh ngày 13/8/2007 cho ông S nuôi dưỡng, bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Anh Th và Th theo quy định pháp luật mỗi cháu 695.000đồng/tháng; Giao cháu Tô Hữu L (nam), sinh ngày 19/5/2017 cho bà B nuôi dưỡng, do bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên ông S không có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị B khởi kiện ông Tô Quốc S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S và nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà B, ông S xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S không chịu làm ăn

mà chỉ nhậu nhẹt, chơi bời. Khi nhậu về còn kiếm chuyện chửi bà nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông S cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần động viên bà B hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng bà B xác định không còn tình cảm với ông S. Đối với ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà B, ông S là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[4] Về con chung: Bà B và ông S có 03 con chung tên Tô Quốc Th (nam), sinh ngày 13/10/2003, Tô Huỳnh Anh Th (nữ), sinh ngày 13/8/2007, Tô Hữu L (nam), sinh ngày 19/5/2017. Các cháu hiện đang sống chung với bà B, ông S. Ông S có yêu cầu nuôi 03 cháu, bà B có yêu cầu nuôi cháu L thống nhất giao cháu Th, Anh Th cho ông S nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Th, cháu Th có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Cháu L dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Th, Th cho ông S nuôi dưỡng. Giao cháu Lợi cho bà B nuôi dưỡng. Ông S có yêu cầu cấp dưỡng nên bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Th và Anh Th mỗi cháu 695.000đồng/tháng. Do bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên ông S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà B, ông S có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B được ly hôn với ông Tô Quốc S.

Về con chung: Giao cháu Tô Quốc Th (nam), sinh ngày 13/10/2003, Tô Huỳnh Anh Th (nữ), sinh ngày 13/8/2007 cho ông S nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Hữu L (nam), sinh ngày 19/5/2017 cho bà B nuôi dưỡng. Ông S có yêu cầu cấp dưỡng nên bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Anh Th và Th mỗi cháu 695.000đồng/tháng. Do bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên ông S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà B, ông S có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai số 0014688 ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà B phải nộp thêm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Phú Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu